

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ DỰ BÁO 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Tổng quan về tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm 2022

Trong 6 tháng đầu năm 2022, kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế, chính trị. Dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế thế giới, nhu cầu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tăng cao trong khi nguồn cung bị đứt gãy khiến giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế có xu hướng tăng mạnh. Bên cạnh đó, cuộc chiến giữa Nga và Ucraina càng đẩy giá nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao và thế giới có nguy cơ phải đối diện với một cuộc khủng hoảng lương thực toàn cầu. Lạm phát tại nhiều nước đạt mức kỷ lục trong nửa cuối quý II/2022.

Nhu cầu về xăng dầu sụt giảm mạnh vào năm 2020 trong thời kỳ đại dịch khiến giá dầu lần đầu tiên trong lịch sử giảm xuống dưới mức giá âm (dưới 0 USD/ thùng) do sự suy thoái lớn trong hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, sau đó, giá đã tăng mạnh lên gần 100 USD/thùng sau khi nền kinh tế phục hồi mạnh mẽ sau các đợt đóng cửa. Ngày 24/2/2022, sau khi Nga tiến quân vào miền Đông Ukraine, giá dầu thô đã vượt ngưỡng 100 USD/thùng - mức giá cao nhất kể từ năm 2014. Một số nhà phân tích Phố Wall thậm chí dự đoán giá dầu có khả năng chạm mức cao nhất là 150 USD. Theo đó, tồn tại ba yếu tố khiến giá dầu giữ ở mức cao:

Một là, Châu Âu cấm nhập khẩu dầu Nga, lệnh cấm 90% nhập khẩu dầu của EU có thể khiến Moscow mất tới 10 tỷ USD doanh thu xuất khẩu mỗi năm.

Hai là, không đủ nguồn dầu cung thay thế trên thế giới bởi Nga chiếm khoảng 14% tổng nguồn cung dầu toàn thế giới. Chiến tranh và các biện pháp trừng phạt của phương Tây khiến sản lượng dầu của Moscow mất gần 1 triệu thùng/ngày trong tháng 4. Trong nửa năm sau của 2022, sự sụt giảm đã lên đến 3 triệu thùng/ngày.

Ba là, nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các nước tăng mạnh trở lại sau dịch bệnh, khi các biện pháp phong tỏa, hạn chế được nới lỏng, nhu cầu ở quốc gia nhập khẩu nhiều mặt hàng này nhất thế giới tăng lên đẩy giá dầu lên cao.

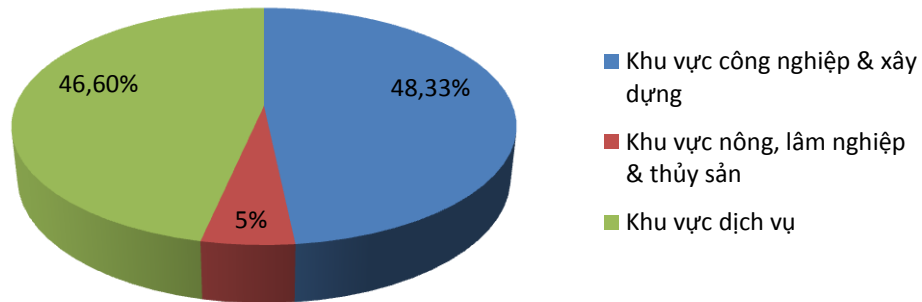
Nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm 2022 tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô có xu hướng tăng trưởng khá, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn, thách thức. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB), tăng trưởng của Việt Nam đạt 5,8% trong năm 2022. Tuy nhiên, nhờ sự điều hành của Chính phủ, kinh tế-xã hội nước ta trong 6 tháng năm 2022 có những điểm sáng với tăng trưởng GDP đạt 6,42%^[1], cao hơn tốc độ tăng 2,04% của 6 tháng đầu năm 2020

[1] Nguồn: Tổng cục thống kê (6/2022)

và tốc độ tăng 5,74% của 6 tháng đầu năm 2021 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,28% và 6,98% của cùng kỳ năm 2018 và 2019, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được Chính phủ ban hành để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

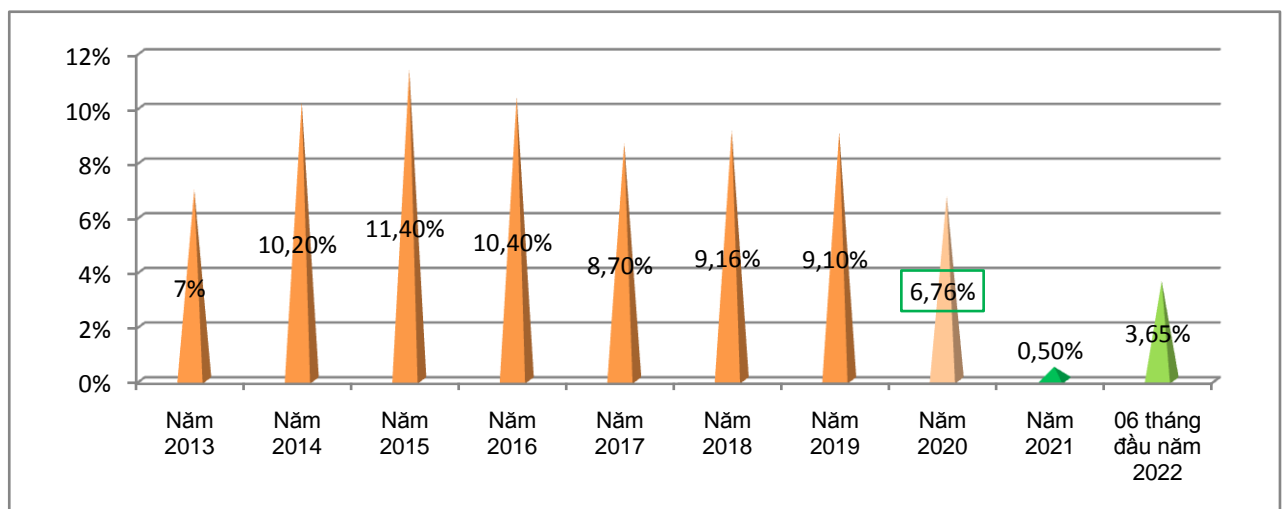
Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế 6 tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,78% (đóng góp 5,07%); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,70% (đóng góp 48,33%). Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với mức tăng 9,66%; khu vực dịch vụ tăng 6,60%.

Biểu đồ 1: Mức đóng góp vào tăng trưởng chung của các lĩnh vực trong nền kinh tế 06 tháng đầu năm 2022



Mặc dù mất đà tăng trưởng từ trước đại dịch Covid-19, thị trường xây dựng Việt Nam vẫn là điểm sáng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, được định giá khoảng 60 tỷ USD vào năm 2021 và dự báo sẽ đạt mức tăng trưởng bình quân hơn 8,71% trong giai đoạn 2022 – 2027.

Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng giai đoạn 2013-2022



Ngành Xây dựng đặt mục tiêu là tăng trưởng GDP đạt từ 5 ÷ 5,6% trong năm 2022. Trong 06 tháng đầu năm 2022, ngành xây dựng đạt mức tăng trưởng ước tính 3,65%

Liên quan đến thị trường xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2022, do ảnh hưởng phức tạp của kinh tế thế giới và xung đột quốc tế, nguồn nguyên liệu, giá của hầu hết các loại vật liệu tiếp tục có xu hướng tăng nối tiếp đà tăng mạnh từ năm 2021, đặc biệt là thép xây dựng – loại vật liệu chiếm giá trị lớn trong chi phí xây dựng công trình đã tiếp tục lập đỉnh vào giữa quý II/2022, tuy rằng đã có xu hướng giảm liên tiếp vào nửa cuối Quý II/2022. Nhiều dự án nguy cơ không hoàn thành tiến độ do ảnh hưởng của giá sắt thép tăng cao kỷ lục. Giá thép tăng kỷ lục là lực cản tiến độ với nhiều công trình xây dựng. Một số công trình nhà thầu đã phải buộc dừng thi công hoặc chuyển sang thi công hạng mục không dùng vật liệu thép, chờ giá nguyên vật liệu giảm xuống để qua đợt khó khăn này. Việc tạm dừng sẽ ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng dự án. Giá vật liệu xây dựng tăng cao khiến hàng loạt dự án chậm tiến độ. Nhiều công trình trọng điểm trên cả nước đang có nguy cơ không thể hoàn thành theo kế hoạch, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương.

2. Diễn biến thị trường thuê máy và thiết bị thi công xây dựng 6 tháng đầu năm 2022

Quý I/2022 là thời điểm đầu năm cũng là thời điểm bước vào những ngày cuối năm âm lịch, nhiều công trình bước vào giai đoạn hoàn thiện nước rút để bàn giao, nhu cầu xây dựng tăng cao hơn khiến cho thị trường cho thuê máy và thiết bị thi công tại các thành phố lớn cũng có mức biến động tăng, đặc biệt là tại các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng. Bước sang quý II/2022, nhu cầu xây dựng công trình xây dựng nhỏ lẻ, khu dân cư có dấu hiệu giảm rõ rệt so với quý I, mùa mưa ở các tỉnh phía Nam cũng ảnh hưởng đến nhu cầu thuê máy thi công tại một số dự án đường giao thông khu vực phía Nam. Tuy nhiên, tiếp tục đà phát triển của thị trường xây dựng khiến nhu cầu thuê máy và thiết bị thi công của các nhà thầu xây dựng được đánh giá ở mức ổn định.

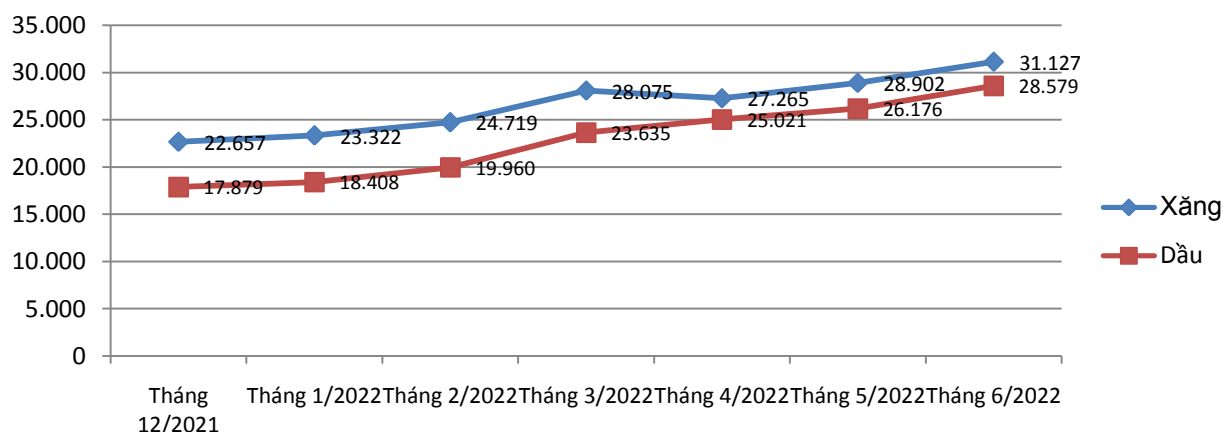
Trong 6 tháng đầu năm nay, nhiều dự án và công trình có quy mô lớn được khởi công với nhiều dự án nổi bật như: 11 dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp được khởi công xây dựng, quy mô khoảng 25.675 căn hộ, tương ứng khoảng 1,28 triệu m² sàn nhà ở^[2], dự án đầu tư xây dựng đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch giai đoạn 1 thuộc đường Vành đai 3 TP.HCM, dự án đầu tư công trình Nhà văn hóa nghệ thuật tỉnh Phú Thọ, Dự án Lô A5 - Khu đô thị mới Hà Tiên, dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông – Tây tỉnh Ninh Bình, dự án đường trục Đông - Tây tỉnh Hải Dương, 02 nút giao cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường tỉnh 390 và 392 tại tỉnh Hải Dương, dự án xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với

[2] Nguồn: Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản (Bộ Xây dựng)

đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình. Cùng với đó, các dự án cao tốc Bắc Nam (giai đoạn 1), Dự án đầu tư xây dựng Cảng HKQT Long Thành (giai đoạn 1) cũng được các nhà thầu tập trung nguồn lực thi công xây dựng để đáp ứng tiến độ. Xu hướng tăng trưởng của thị trường xây dựng có xu hướng làm tăng nhu cầu thuê máy và thiết bị thi công của các nhà thầu xây dựng trong quá trình thực hiện thi công xây dựng công trình trong dài hạn.

Biểu đồ 3: Diễn biến giá nhiên liệu trên thị trường 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị: đồng/lít



(Nguồn: Petrolimex)

Theo số liệu khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường Trong 6 tháng đầu năm 2022, giá xăng dầu đã qua 16 kỳ điều chỉnh với 13 lần tăng giá, 3 lần giảm giá. Qua khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường (xăng và dầu diesel), quý I/2022 giá xăng dầu có xu hướng tăng. Nhu cầu tiêu dùng xăng dầu toàn cầu trong quý I/2022 tăng cao trở lại trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều nước lớn trên thế giới hồi phục mạnh mẽ, và những bất ổn về tình hình xung đột vũ trang trên thế giới, được nhìn nhận là yếu tố chính khiến giá dầu tăng vọt trên thị trường thế giới.

Nhu cầu tiêu dùng xăng dầu toàn cầu trong các ngày đầu tháng 6/2022 tăng mạnh thiết lập mức đỉnh. So với thời điểm tháng 1/2022 thì sang tháng 6/2022, giá xăng đã có mức biến động tăng 33,47%, dầu diesel tăng 55,26%. Có thể thấy, giá xăng dầu trong nước có mức biến động tăng khá mạnh theo đà tăng của giá xăng dầu thế giới khi nền kinh tế thế giới đang trong đà hồi phục.

Theo số liệu khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường (xăng và dầu diesel), bình quân giá xăng dầu trong 6 tháng đầu năm 2022 có mức tăng khá đáng kể so với với bình quân trong 6 tháng đầu năm 2021, mức tăng 54,49% với xăng và 67,31% với dầu diesel.

Bảng 1: Đánh giá diễn biến bình quân giá nhiên liệu so với cùng kỳ năm trước*Đơn vị: đồng/lít*

TT	Nội dung	Bình quân 6 tháng đầu năm 2021	Bình quân 6 tháng đầu năm 2022	Chênh lệch tuyệt đối	Chênh lệch tương đối (%)
1	Xăng	17.628	27.234	+9.605	+54,49%
2	Dầu diesel	14.141	23.660	+9.518	+67,31%

Tuy nhiên, bình quân giá xăng dầu trong 6 tháng đầu năm 2022 có mức tăng mức tăng 20,1% với xăng và 32,21% với dầu diesel so với thời điểm cuối năm 2021 (tháng 12/2021). Mức tăng này được đánh giá là khá mạnh so với mức biến động của nhiều năm trước đây.

Bảng 2: Đánh giá diễn biến bình quân giá nhiên liệu so với thời điểm cuối năm 2021*Đơn vị: đồng/lít*

TT	Nội dung	Tháng 12/2021	Bình quân 6 tháng đầu năm 2022	Chênh lệch tuyệt đối	Chênh lệch tương đối (%)
1	Xăng	22.657	27.234	+4.577	+20,10%
2	Dầu diesel	17.879	23.660	+5.781	+32,21%

Theo đánh giá, mức biến động tăng của giá xăng dầu trong 6 tháng đầu năm 2022 không ảnh hưởng nhiều đến giá thuê máy trên thị trường trong trường hợp thuê máy trong thời gian dài (thuê khô, bên đi thuê tự trả nhiên liệu). Tuy nhiên, với trường hợp thuê ước (có nhiên liệu) thì giá thuê sẽ chịu tác động của mức biến động giá nhiên liệu này.

Bảng 3: Đánh giá ảnh hưởng của biến động giá nhiên liệu trong dự toán xây dựng công trình (6 tháng đầu năm 2022 so với thời điểm cuối năm 2021)

Loại hình công trình	Tỷ trọng chi phí máy thi công trong chi phí trực tiếp thuộc dự toán xây dựng	Tỷ trọng chi phí nhiên liệu trong chi phí máy thi công	Mức tăng bình quân giá nhiên liệu (6 tháng đầu năm 2022 so với thời điểm cuối năm 2021)	Mức tăng bình quân trong chi phí trực tiếp thuộc dự toán xây dựng (%)
Dân dụng	3,83% ÷ 4,68%	≈ 26,54%	26,16%	0,30%
Công nghiệp	5,89% ÷ 7,19%	≈ 31,24%	26,16%	0,53%
Hạ tầng	3,82% ÷ 4,66%	≈ 39,45%	26,16%	0,44%
Giao thông	8,15% ÷ 9,97%	≈ 35,70%	26,16%	0,85%
NN & PTNT	7,43% ÷ 9,09%	≈ 33,48%	26,16%	0,72%

Theo đánh giá, mức biến động tăng của giá xăng dầu bình quân trong 6 tháng đầu năm 2022 so với tháng 12/2021, ảnh hưởng đến biến động yếu tố đầu vào của giá ca máy trong dự toán xây dựng của các nhóm công trình. Xét yếu tố đầu vào của dự

toán xây dựng cho thấy, mức tăng của giá nhiên liệu trong giai đoạn này tác động mạnh mẽ nhất đến dự toán của nhóm công trình giao thông (mức tăng 0,85%) và nông nghiệp và phát triển nông thôn (mức tăng 0,72%). Điều này có thể giải thích bởi tỷ trọng chi phí máy thi công sử dụng nhiên liệu của loại hình công trình này lớn hơn các loại hình công trình còn lại, đặc biệt là nhóm máy phục vụ đào đắp.

Qua thống kê, đánh giá tác động của biến động giá nhiên liệu đối với một số dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô lớn cho thấy, biến động mạnh của giá nhiên liệu trong 6 tháng đầu năm 2022 tác động khá lớn đến chi phí xây dựng. Theo đó phân tích tác động của biến động giá nhiên liệu tới hạng mục đào đắp, san nền cho thấy:

Đối với một số dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc Nam (giai đoạn 1) có thời điểm gốc xác định dự toán gói thầu phổ biến vào Quý I/2020 thì giá nhiên liệu (chủ yếu là dầu diesel) đã tăng bình quân khoảng 1,52 lần. Theo đó, tác động làm dự toán hạng mục đào đắp san nền tăng bình quân khoảng 8,68%.

Bảng 4: Tác động của biến động tăng giá nhiên liệu đối với các dự án đường cao tốc Bắc Nam (giai đoạn 1)

Nội dung	Tỷ trọng nhiên liệu (diesel) trong dự toán hạng mục đào đắp san nền	Mức tăng bình quân giá nhiên liệu (6 tháng đầu năm 2022 so với Quý I/2020)	Mức tăng bình quân trong dự toán xây dựng (%)
Cao tốc Bắc Nam (giai đoạn 1)	14,8% ÷ 18,08%	≈ 52,81%	8,68%

Đối với Dự án Đầu tư xây dựng cảng hàng không quốc tế (sân bay) Long Thành giai đoạn 1 có thời điểm gốc xác định dự toán gói thầu vào Quý IV/2021 thì giá nhiên liệu (chủ yếu là dầu diesel) đã tăng bình quân khoảng 1,32 lần. Theo đó, tác động làm dự toán hạng mục san nền tăng bình quân khoảng 7,78%.

Bảng 5: Tác động của biến động tăng giá nhiên liệu đối với dự án Đầu tư xây dựng cảng hàng không quốc tế (sân bay) Long Thành giai đoạn 1

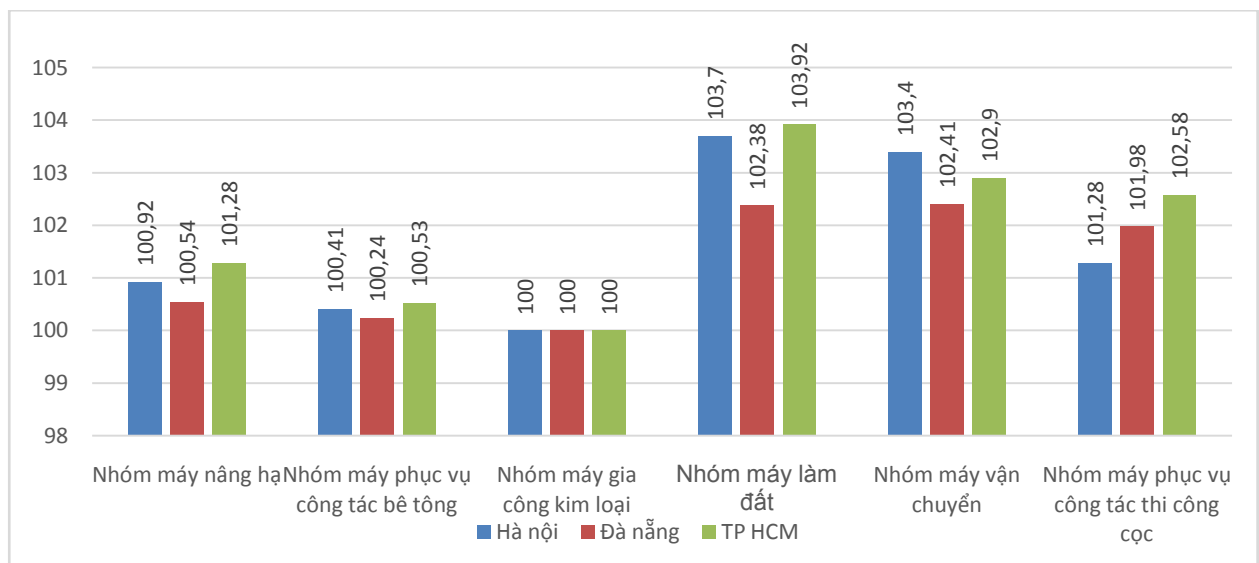
Nội dung	Tỷ trọng nhiên liệu (diesel) trong dự toán hạng mục San nền	Mức tăng bình quân giá nhiên liệu (6 tháng đầu năm 2022 so với Quý IV/2021)	Mức tăng bình quân trong dự toán xây dựng (%)
Dự án Đầu tư xây dựng cảng hàng không quốc tế (sân bay) Long Thành giai đoạn 1	≈ 24,14%	≈ 32,21%	7,78%

Qua theo dõi diễn biến giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2022 tại 3 thành phố lớn (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng) nhìn chung có mức biến động tăng so với năm 2021. Một số nhóm máy có chi phí đầu tư thấp, khả năng cung trên thị trường lớn có mức biến động ít, thậm chí không biến động (nhóm máy giá công kim loại, nhóm máy phục vụ công tác bê tông). Một số nhóm máy có nhu cầu thuê trên thị trường cao vẫn có mức biến động tăng khá cao so sánh tương quan với cùng kỳ các năm trước đó như nhóm máy làm đất (tăng 2,3 ÷ 3,9%), nhóm máy vận chuyển (tăng 2,4 ÷ 3,4%). Tuy nhiên, theo nhận định chung thì khả năng cung cấp dịch vụ cho thuê trên thị trường vẫn rất dồi dào nên không xảy ra tình trạng khan hiếm.

Phân tích cho thấy giá thuê máy 06 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 thì giá thuê của nhóm máy nâng hạ và máy làm đất có mức biến động tăng cao hơn từ 2.5 ÷ 3,05%, bởi nhu cầu sử dụng các loại máy này trong xây dựng hạ tầng và dân dụng là khá cao trong đầu năm 2022 với hàng loạt dự án đầu tư xây dựng được đồng loạt đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, giá nhiên liệu tăng cao cũng giải thích cho nguyên nhân nêu trên.

Biểu đồ 4: Diễn biến giá thuê máy 6 tháng đầu năm 2022 so với năm 2021

Đơn vị tính: %



(Bảng giá thuê một số loại máy và thiết bị thi công xây dựng trên thị trường 6 tháng đầu năm 2022 được đính kèm Phụ lục của Báo cáo)

3. Dự báo cho kỳ phân tích tiếp theo (6 tháng cuối năm 2022)

Theo đánh giá của các chuyên gia, Ngành xây dựng và GDP có mối tương quan cao, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng sẽ tác động tới tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa cuối năm 2022. Theo dự báo, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2022 có thể đạt 6,9%, khá cao so với kịch bản cơ bản là 6,7^[3],

Mặc dù vậy, theo dự báo của doanh nghiệp ngành Xây dựng, 06 tháng cuối năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng khó thực sự có cải thiện đáng kể, thậm chí có thể khó khăn hơn do ảnh hưởng bởi sự biến động của các yếu tố đầu vào như biến động giá vật liệu, nhiên liệu, sử dụng lao động, chi phí sản xuất... Trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế, nhiều chuyên gia kỳ vọng tăng trưởng của ngành xây dựng sẽ là động lực cho nền kinh tế của cả nước trong nửa cuối năm 2022.

Trong 6 tháng cuối năm 2022 sẽ là giai đoạn gấp rút để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án để thực hiện giải ngân vốn đầu tư hoàn thành kế hoạch năm. Đặc biệt, khởi công Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2021 – 2025, Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 12A, 31 và 32C... Đầu tư cơ sở hạ tầng tiếp tục là ưu tiên hàng đầu của chính phủ. Đây là động lực tăng trưởng cho ngành xây dựng trong nửa cuối năm 2022. Theo đó, thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng cũng có cơ hội để phát triển hơn nữa với nhiều chủng loại máy xây dựng thế hệ mới có tính năng kỹ thuật hiện đại, năng suất cao theo chân các nhà đầu tư và doanh nghiệp tham gia thị trường xây dựng Việt Nam.

Theo số liệu thống kê hàng năm thời điểm đầu năm cũng là thời điểm bước vào những ngày cuối năm âm lịch, nhiều công trình bước vào giai đoạn hoàn thiện nước rút để bàn giao trước tết âm lịch, nhu cầu xây dựng tăng cao hơn có thể khiến cho thị trường cho thuê máy và thiết bị thi công tại các thành phố lớn sẽ có mức biến động tăng, mức biến động sẽ phụ thuộc khá lớn vào nhu cầu thuê và giá nhiên liệu trên thị trường. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia phân tích, sẽ không có mức biến động lớn về giá thuê máy bởi nguồn cung dịch vụ trên thị trường được đánh giá khá dồi dào.

[³] Nguồn: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM)

PHỤ LỤC

(Kèm theo “Báo cáo nghiên cứu thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng 6 tháng đầu năm 2022”)

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
I	Nhóm máy làm đất				
I.1	Máy đào xúc				
1	Máy đào Komatsu PC 03-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1991	20.400.000	299.000
2	Máy đào Komatsu PC28UU-2E	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1995	20.550.000	287.000
3	Máy đào Komatsu PC28UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2000	22.430.000	315.000
4	Máy đào Komatsu PC 28UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2005	23.550.000	336.000
5	Máy đào Komatsu PC 28UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2007	24.540.000	335.000
6	Máy đào Komatsu PC30MR-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1998	22.100.000	304.000
7	Máy đào Komatsu PC30MR-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2000	21.540.000	293.000
8	Máy đào Komatsu PC30UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1999	21.620.000	288.000
9	Máy đào Komatsu PC35R-8	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1991	20.000.000	270.000
10	Máy đào Komatsu PC38UU-2	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1992	20.500.000	280.000
11	Máy đào Komatsu PC38UU-3	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2008	22.000.000	297.000
12	Máy đào Komatsu PC38UU-2E	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1996	20.600.000	286.000
13	Máy đào Komatsu PC35MB-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /1998	21.000.000	291.000
14	Máy đào Komatsu PC30MR-1	Dung tích gầu 0,1 m ³	Nhật Bản /2000	21.000.000	280.000
15	Máy đào Komatsu PC40-6	Dung tích gầu 0,13 m ³	Nhật Bản /1989	18.000.000	264.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
16	Máy đào Komatsu PC40-7	Dung tích gầu 0,13 m ³	Nhật Bản /1994	18.400.000	270.000
17	Máy đào Komatsu PC50UU-2E	Dung tích gầu 0,2 m ³	Nhật Bản /1996	19.000.000	270.000
18	Máy đào Komatsu PC50UU-1	Dung tích gầu 0,2 m ³	Nhật Bản /1992	18.500.000	264.000
19	Máy đào Komatsu PC50UU-2	Dung tích gầu 0,2 m ³	Nhật Bản /1995	18.500.000	270.000
20	Máy đào Komatsu PC50UU-2	Dung tích gầu 0,2 m ³	Nhật Bản /1994	18.500.000	270.000
21	Máy đào Komatsu PC70-7	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1997	19.000.000	275.000
22	Máy đào Komatsu PC120-6	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1999	19.000.000	275.000
23	Máy đào Komatsu PC60-7	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1997	19.000.000	275.000
24	Máy đào Komatsu PC60-6	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1991	18.600.000	270.000
25	Máy đào Komatsu PC60-6	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1989	18.000.000	259.000
26	Máy đào Komatsu PC75UU-2	Dung tích gầu 0,25 m ³	Nhật Bản /1993	18.600.000	270.000
27	Máy đào Komatsu PC70-7E	Dung tích gầu 0,28 m ³	Nhật Bản /1996	18.900.000	273.000
28	Máy đào Komatsu PC70FR	Dung tích gầu 0,28 m ³	Nhật Bản /1997	19.000.000	275.000
29	Máy đào Komatsu PC75UU-3	Dung tích gầu 0,28 m ³	Nhật Bản /2001	19.200.000	275.000
30	Máy xúc bánh lốp Hyundai 1300 WM	Dung tích gầu 0,4 m ³	Hàn Quốc/2002	35.000.000	388.000
31	Máy đào Komatsu PC100-5	Dung tích gầu 0,4 m ³	Nhật Bản /1990	23.500.000	313.000
32	Máy đào Komatsu PC100-5	Dung tích gầu 0,4 m ³	Nhật Bản /1989	23.500.000	313.000
33	Máy đào Komatsu PC100-3	Dung tích gầu 0,4 m ³	Nhật Bản /1989	23.500.000	313.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
34	Máy đào Komatsu PC100-3	Dung tích gầu 0,4m ³	Nhật Bản /1989	29.500.000	377.000
35	Máy đào Komatsu PC120-5	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1992	24.600.000	324.000
36	Máy đào Komatsu PC120-3	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1988	23.000.000	313.000
37	Máy đào Komatsu PC120-5	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1991	23.800.000	318.000
38	Máy đào Komatsu PC100-6E	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1999	27.500.000	388.000
39	Máy đào Komatsu PC120-5	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1992	30.000.000	431.000
40	Máy đào Komatsu PC120-3	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1988	29.800.000	388.000
41	Máy đào Komatsu PC120-5	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1991	30.000.000	431.000
42	Máy đào Komatsu PC100-6E	Dung tích gầu 0,45m ³	Nhật Bản /1999	33.400.000	453.000
43	Máy đào xúc PC150-3	Đào xúc thuận, gầu 0,5 m ³	Nhật/1985	35.000.000	485.000
44	Máy xúc bánh lốp hoặc xích Solar 100	Dung tích gầu 0.5m ³	Hàn Quốc/1996	32.000.000	377.000
45	Máy đào Komatsu PC120-6ZE	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /1997	32.500.000	458.000
46	Máy đào Komatsu PC120-6E	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /1996	33.000.000	464.000
47	Máy đào Komatsu PC120-6E	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /1999	34.500.000	485.000
48	Máy đào Komatsu PC120-6E	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /2000	34.500.000	485.000
49	Máy đào Komatsu PC130-6E	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /1998	33.000.000	464.000
50	Máy đào Komatsu PC1206ZE	Dung tích gầu 0,5m ³	Nhật Bản /2000	34.000.000	485.000
51	Máy đào Komatsu PC150-3	Dung tích gầu 0,55m ³	Nhật Bản /1985	32.000.000	442.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
52	Máy đào xúc bánh lốp Doosan140	Đào xúc thuận, gầu 0,6 m ³	Hàn Quốc/2001	36.000.000	539.000
53	Máy xúc bánh lốp hoặc xích Solar 130 -140	Dung tích gầu 0.65m ³	Hàn Quốc/1997	40.000.000	431.000
54	Máy đào xúc bánh xích PC200-8	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/2014	45.000.000	593.000
55	Máy đào xúc bánh xích PC220-3	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/1986	35.000.000	539.000
56	Máy đào xúc PC200-6	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/1998	55.000.000	593.000
57	Máy đào xúc PC200-6	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/1996	50.000.000	593.000
58	Máy đào xúc PC200-3	Đào xúc thuận, gầu 0,8 m ³	Nhật/1984	32.000.000	431.000
59	Máy xúc bánh xích SK200-1	Dung tích gầu 0,8 m ³	Nhật/1992	38.000.000	388.000
60	Máy xúc bánh xích PC220-3	Dung tích gầu 0,8 m ³	Nhật/1998	35.000.000	410.000
61	Máy đào Komatsu PC210LCD-7K	Dung tích gầu 0,8m ³	Nhật Bản /2005	55.000.000	636.000
62	Máy đào Komatsu HB215LC-1	Dung tích gầu 0,8m ³	Nhật Bản /1998	52.800.000	566.000
63	Máy đào Komatsu PC200-7	Dung tích gầu 0,8m ³	Nhật Bản /2000	57.700.000	609.000
64	Máy đào Komatsu PC220LC-6LE	Dung tích gầu 1m ³	Nhật Bản /1999	69.300.000	773.000
65	Máy đào Komatsu PC220LC-7L	Dung tích gầu 1m ³	Nhật Bản /2006	71.700.000	777.000
66	Máy đào Komatsu PC220LC-7L	Dung tích gầu 1m ³	Nhật Bản /2004	71.000.000	777.000
67	Máy đào Komatsu PC220LC-8	Dung tích gầu 1m ³	Nhật Bản /2007	72.100.000	782.000
68	Máy đào xúc bánh xích PC200-8	Đào xúc thuận, gầu 1,05 m ³	Nhật/2006	45.000.000	572.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
69	Máy đào xúc PC350-6	Đào xúc thuận, gầu 1,2 m ³	Nhật/1997	85.000.000	1.186.000
70	Máy xúc bánh xích SK300-1	Dung tích gầu 1,2m ³	Nhật/1990	38.000.000	410.000
71	Máy đào Komatsu PC300LC-7	Dung tích gầu 1,2m ³	Nhật Bản /2003	88.600.000	1.348.000
72	Máy đào Komatsu PC300-7	Dung tích gầu 1,4m ³	Nhật Bản /2003	96.000.000	1.465.000
73	Máy đào Komatsu PC300-7	Dung tích gầu 1,4m ³	Nhật Bản /2005	96.000.000	1.465.000
74	Máy đào Komatsu PC400LC	Dung tích gầu 1,6m ³	Nhật Bản /1991	108.652.000	1.583.000
75	Máy đào Komatsu PC400-7	Dung tích gầu 1,9m ³	Nhật Bản /2004	122.000.000	1.747.000
76	Máy đào Komatsu PC400LC-6LK	Dung tích gầu 1,9m ³	Nhật Bản /1999	119.560.000	1.823.000
77	Máy đào Komatsu PC PC600LC-7	Dung tích gầu 2,7m ³	Nhật Bản /2005	138.500.000	2.011.000
78	Máy xúc lật Lihgong LCG836	Dung tích gầu 1,2m ³	Trung Quốc/2014	35.000.000	415.000
I.2	Máy ủi				
1	Máy ủi Komatsu D50A	San ủi 150CV	Nhật Bản	35.000.000	539.000
2	Máy ủi Komatsu D50S	San ủi, 150CV	Nhật	34.000.000	518.000
3	Máy ủi Komatsu D31A	San ủi, 75CV	Nhật	24.000.000	377.000
4	Máy ủi Komatsu D41-3	San ủi, Công suất (KW): 4532	Nhật	35.000.000	518.000
5	Máy ủi Komatsu D53A-18	San ủi	Nhật	36.000.000	528.000
I.3	Máy lu				
1	Máy lu bánh thép Kawasaky	Lu tĩnh, 10 tấn	Nhật	18.000.000	377.000
2	Máy lu rung nhỏ Sakai TG41	Lu rung, 8 tấn	Nhật	18.000.000	377.000
3	Máy lu rung nhỏ Kawasaky TW40	Lu rung, 8 tấn	Nhật	18.000.000	377.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
4	Máy lu rung Sakai SV510D	Lu rung, 24 tấn	Nhật	37.000.000	593.000
5	Máy lu rung Sakai SV520D	Lu rung, 12 tấn	Nhật	35.000.000	550.000
6	Máy lu rung Komatsu JV100A	Lu rung, 22 tấn	Nhật	35.000.000	572.000
7	Máy lu rung Hamm 3410	Lu rung, 12 tấn	Đức/2016	35.000.000	593.000
8	Máy lu rung Bomag 202 (bánh thép)	Lu rung, 12 tấn	Đức/2012	28.000.000	469.000
9	Máy lu rung Hypac	Lu rung, 12 tấn	Mỹ/2001	30.000.000	485.000
10	Máy lu lốp Kawasaki	Lu tĩnh 16 tấn	Nhật Bản	25.000.000	388.000
11	Máy lu lốp TS290 (7 bánh)	Lu tĩnh 16 tấn	SaKai/Nhật Bản/1995	20.000.000	345.000
12	Máy lu lốp XCMG XP262	Lu tĩnh 26 tấn	Trung Quốc /2017	38.000.000	421.000
13	Máy lu lốp XCMG XP263	Lu tĩnh 26 tấn	Trung Quốc /2017	38.000.000	421.000
14	Máy lu tĩnh Kawasaki	Lu tĩnh 10 tấn	Kawasaki/Nhật Bản	20.000.000	351.000
15	Máy lu rung Caterpillar CS533	Lu rung, 12 tấn	CAT/Mỹ/2007	35.000.000	550.000
16	Máy lu tĩnh Wantanabe	Lu tĩnh 10 tấn	Nhật/1995	18.000.000	367.000
17	Máy lu bánh lốp Sakai (9 bánh)	Lu tĩnh 16 tấn	Nhật/1999	25.000.000	377.000
18	Máy lu dẫn (lu con) Sakai TW-40	Lu tĩnh 4 tấn	Nhật/1997	10.000.000	194.000
19	Máy lu bánh lốp Sakai-TG150	Lu tĩnh, bánh lốp, 16 tấn	Nhật	25.000.000	377.000
20	Lu rung Amman ASC100	Lu rung, 12 tấn	Thụy Sĩ/2015	32.000.000	523.000
IV	Máy san tự hành bánh lốp				
1	Máy san tự hành Misubishi-MG3	Chiều rộng ben 3,1m, 110CV	Nhật	30.000.000	485.000
2	Máy san Misubishi LG200	Chiều rộng ben	Nhật	30.000.000	485.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
		3,7m			
3	Máy san tự hành Komatsu GD40	Chiều rộng ben 3,0m, 180CV	Nhật	35.000.000	593.000
4	Máy san tự hành Komatsu GD525	Chiều rộng ben 3,7m	Nhật	34.000.000	561.000
II	Nhóm máy nâng hạ				
1	Cần cẩu bánh xích Sumitomo LS78RH-5	Sức nâng 35T	Nhật Bản	72.000.000 ÷80.000.000	3.343.000
2	Cần cẩu bánh xích Kobelco 7045	Sức nâng 45T	Nhật Bản	88.000.000 ÷95.000.000	3.990.000
3	Cần cẩu bánh xích Hitachi KH150-3	Sức nâng 50T	Nhật Bản	78.000.000 ÷82.000.000	3.775.000
4	Cần trục tháp KB-403A	Tầm với 30 mét , tải max 6 tấn	Nga	8.000.000 ÷9.000.000	313.000
5	Cẩu lốp Kobelco KR250	Sức nâng 25T	Nhật Bản (1996)	60.000.000	3.063.000
6	Cẩu lốp Zoomlion QY50	Sức nâng 50T	Trung Quốc (2014)	90.000.000	3.203.000
7	Cẩu lốp XCMG QY70	Sức nâng 70T	Trung Quốc (2013)	135.000.000	3.516.000
8	Xe cẩu tự hành Huyndai 2,5 tấn	2,5T	Hàn Quốc	30.000.000	485.000
III	Nhóm máy phục vụ công tác bê tông				
1	Trạm trộn bê tông 60m3/h	60m3/h	Việt Nam	19.000.000	
2	Máy trộn bê tông động cơ diezen	Trộn bê tông, 250 lít	Việt Nam	6.000.000	110.000

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
3	Máy trộn bê tông động cơ điện	Trộn bê tông, 500 lít	Việt Nam	8.000.000	120.000
4	Máy bơm bê tông Mecbo/car P4.65AP	Bơm tĩnh, 60m ³ /h	Italia	16.000.000	690.000
5	Xe bơm bê tông Putzmeister BSA 2110 HP-D	Bơm tĩnh, 102m ³ /h	Đức/2008	14.500.000	500.000
6	Xe bơm cần Putzmeister 42m	Bơm cần, công suất 140-170m ³ /h, chiều dài 42m	Đức/2008	12.000.000	360.000
7	Xe bơm cần hiệu MERCEDES-SANY 56m	Bơm cần, công suất 200 m ³ /h	Đức/2012	18.700.000	540.000
IV	Nhóm máy phục vụ công tác thi công cọc				
1	Máy khoan cọc nhồi NIPPON SHARYO DHP-80	Đường kính khoan Dmax = 2m	Nhật Bản/1989	67.000.000	2.900.000
2	Máy khoan cọc nhồi HITACHI KH100D-R6G	Đường kính khoan Dmax =1.5m	Nhật Bản/1989	65.000.000	2.800.000
3	Máy khoan cọc nhồi CX500	Đường kính khoan Dmax =1.5m	Nhật Bản/1999	140.000.000	4.200.000
4	Máy khoan cọc nhồi Hitachi KH125D 35 tấn	Đường kính khoan Dmax =1.5m	Nhật Bản/1992	110.000.000	3.570.000
5	Dàn khoan đá DK5	Khoan đá D105	Trung Quốc	9.000.000	
6	Dàn khoan đá DK3	Khoan đá, D76	Trung Quốc	8.000.000	
V	Nhóm máy vận chuyển				
1	Xe chở trộn bê tông Huyndai	Dung tích 7m ³	Hàn Quốc	30.000.000	
2	Xe tải ben 3 chân Howo 12 tấn	Trọng tải 12T	Trung Quốc		

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
				25.000.000	
3	Xe tưới nước 5M3	5M3	Dongfeng/ Trung Quốc	14.000.000	
4	Xe tưới nhựa đường MC		Trung Quốc	30.000.000	
VI	Máy và thiết bị phục vụ gia công kim loại				
1	Máy hàn điện một chiều – 3 pha	Hàn điện, 30 KW	Thụy Điển	4.000.000	
2	Máy hàn điện xoay chiều – 3 pha	Hàn điện, 23 KW	Việt Nam	2.000.000	
3	Máy hàn điện một chiều, diezen	Hàn điện, 25 KW	Nhật	3.000.000	
4	Máy cắt uốn thép Gw40	5Kw	Trung Quốc	1.800.000	
VII	Một số loại máy và thiết bị thi công khác				
1	Máy rải bê tông nhựa Vogele	Rải bê tông nhựa, 180CV	Đức	60.000.000	
2	Máy rải Demag 110	17 tấn	Đức/1993	90.000.000	
3	Máy rải Demag 135C-2009	18,5 tấn	Đức/2009	130.000.000	
4	Máy tưới nhũ tương cầm tay	Tưới nhũ tương, 200 lít	Việt Nam	5.000.000	
5	Máy phun tưới betum nóng	Tưới nhựa nóng, 120 lít	Việt Nam	13.500.000	
6	Búa đập đá thủy lực Neobuzz300	Đập phá đá, bê tông, D150mm	Hàn Quốc	35.000.000	
7	Máy nén khí Denyo 130	Nén khí trực vít, 3,7m3/ phút	Nhật	12.000.000	
8	Máy nén khí AirMan 70	Nén khí trực vít, 2,5m3/ phút	Nhật	9.000.000	

TT	Loại máy thi công	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ / Năm sản xuất	Giá cho thuê (chưa có thuế VAT)	
				Theo tháng (đồng/tháng)	Theo giờ máy (đồng/ h máy)
				(chưa có nhiên liệu)	(đã có nhiên liệu)
9	Máy phát điện 3 pha Denyo	3 pha, 380V, 30 KVA	Nhật	10.000.000	
10	Máy phát điện 1 pha Kubota	1 pha, 220V, 15KVA	Mỹ	10.000.000	
11	Máy phát điện 100KVA	220V/100KVA	Nhật	20.000.000	
12	Máy phát điện 60KVA	220V/60KVA	Nhật	15.000.000	
13	Đầm cóc Mikasa	Đầm đất, 72-80 kg	Nhật	8.000.000	
14	Máy đầm cóc Hon da	Hon da NTK-72	Nhật		37.500
15	Máy đầm dùi bê tông	KUNDO ZN-70P 2,2kW 220V	TQ		25.000
16	Máy đục bê tông	Makita HM1307C (1510W)	TQ		25.000
17	Máy trộn bê tông	450 lít - Đầu nổ D8	TQ		31.000
18	Máy bơm nước	Pentax CM 32-160B (3HP-2.2KW)	Italia		25.000
19	Máy xoa nền bê tông	900mm động cơ Honda GX160	TQ		43.700
20	Máy cắt bê tông	Xăng KC12	TQ		62.500
21	Pa lăng xích các loại	KENBO KKBB03-01 3t 6m 380V 2 cấp tốc độ	TQ		37.500